

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21-6-2022
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tâm Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Ly;

ông Võ Lâm Sơn.

- Thư ký phiên tòa: ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:
ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 về ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Phạm Thị Ng, sinh năm 1979; cư trú: số 85, khóm V, thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1975; cư trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Người làm chứng:* NLC, sinh ngày 01/01/1999; cư trú: ấp M, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/3/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bà Phạm Thị Ng trình bày: bà Ng và ông Ph chung sống với nhau vào năm 1996, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã M, cấp chứng nhận kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 284, quyển số 02, ngày đăng ký 13/11/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Sau đó, vợ chồng đi làm ở Bình Dương đến năm 2019 thì vợ chồng ly thân do ông Ph gây mâu thuẫn, không quan tâm, chăm sóc vợ con, vợ chồng không còn tình cảm với

nhau và không ai muốn sống chung với nhau. Trong khoảng thời gian ly thân thì hai bên gia đình có hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Khi nộp đơn ly hôn, bà Ng có thông tin cho ông Ph và không ai muốn níu kéo tình cảm vợ chồng.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Ng yêu cầu ly hôn với ông Ph.

Quá trình chung sống, vợ chồng có được 02 đứa con chung Nguyễn Thị Lan, sinh ngày 01/01/1999 và Nguyễn Thị Gái, sinh năm 1997 theo giấy khai sinh số 11 ngày đăng ký 29/01/2002, giấy trích lục khai sinh số 32/TLKS-BS ngày 14/6/2019 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh An Giang. Do 02 đứa con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên bà Ng không yêu cầu giải quyết; đồng thời, bà Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và không có nợ chung.

Tại phiên tòa: bà Ng giữ nguyên yêu cầu ly hôn do trong thời gian sống chung với ông Ph tại Bình Dương thì ông Ph có hành vi bạo lực gia đình với bà Ng, từ đó vợ chồng ly thân vào năm 2019 đến nay, không còn tình cảm vợ chồng với ông Ph;

Ý kiến của chị Lan xác định bà Ng và ông Ph là cha mẹ của chị Lan, trong thời gian bà Ng và ông Ph sống chung tại Bình Dương thì có phát sinh mâu thuẫn, bạo lực gia đình dẫn đến việc bà Ng ly thân với ông Ph khoảng 03 năm nay.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

Bà Ng đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự; Ông Ph từ khi thụ lý và tại phiên tòa vắng mặt theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: do chỗ ông Ph có hành vi bạo lực gia đình với bà Ng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng và bà Ng xác định không còn tình cảm nên mục đích hôn nhân không đạt được; bà Ng yêu cầu ly hôn với ông Ph phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không đề cập giải quyết; về tài sản, nợ chung do bà Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ng đối với ông Ph;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Bà Ng có đơn khởi kiện đối với ông Ph về yêu cầu ly hôn. Ông Ph có địa chỉ cư trú tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bà Ng và ông Ph xác lập quan hệ hôn nhân đều tự nguyện, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã M cấp chứng nhận kết hôn nên hôn nhân hợp pháp được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, bà Ng cho rằng quá trình chung sống với ông Ph có mâu thuẫn do ông Ph bạo lực gia đình làm cho bà Ng không còn tình cảm vợ chồng với ông Ph. Từ năm 2019 đến nay, bà Ng đã ly thân với ông Ph, không ai có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng phù hợp ý kiến tại phiên tòa của NLC xác định thực tế giữa bà Ng và ông Ph có phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, ly thân khoảng 03 năm nay.

[4] Mặt khác, kể từ khi Tòa án thụ lý, hòa giải, xét xử vụ việc hôn nhân và gia đình, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Ph không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ng, xem như ông Ph từ bỏ quyền tự bảo vệ của mình đối với vụ án đang được xem xét, giải quyết. Hơn nữa, Tòa án tổ chức hòa giải vụ việc ly hôn nhưng ông Ph không thiện chí hợp tác, đều vắng mặt tại các phiên hòa giải của Tòa án.

[5] Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, bà Ng yêu cầu ly hôn với ông Ph là có căn cứ do ông Ph có hành vi bạo lực gia đình với bà Ng. Bên cạnh đó, vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 đến nay, bỏ mặc nhau, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ng đối với ông Ph.

[6] Về quan hệ con chung: bà Ng và ông Ph có 02 con chung Nguyễn Thị Lan và Nguyễn Thị Gái đều đã thành niên và có gia đình riêng nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[7] Bà Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và không có nợ chung. Vì vậy, Tòa án không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí sơ thẩm: bà Ng phải chịu án phí ly hôn không có giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 24,

điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Ng đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Ph.

Bà Phạm Thị Ng được ly hôn với ông Nguyễn Văn Ph.

Giấy chứng nhận kết hôn số 284, quyền số 02, ngày đăng ký 13/11/2006 được Ủy ban nhân dân xã M cấp cho bà Ng và ông Ph không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí sơ thẩm: bà Phạm Thị Ng phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0010307 ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Bà Ng có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày tuyên án. Ông Ph vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới;
- Ủy ban nhân dân xã M;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tâm Nhân